TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46/**2023/KDTM-ST
Ngày: 21/7/2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **H**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn H** và ông **B**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **T**, Thư ký Toà án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **P** - Kiểm sát viên.

Ngày 21/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 15/2023/TLST-KDTM về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" ngày 12 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2023/QĐXX-ST ngày 25/5/2023 và các Quyết định hoãn phiên toà giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty S

Địa chỉ: Tầng *, tòa nhà R, số * đường Đ, phường **, quận *, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn M H, Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lường Văn Đ và ông Trịnh Đình Đ, theo Giấy uỷ quyền số 22/UQ/SG ngày 6/4/2023 do bà Nguyễn M H, Giám đốc ký. (Ông Lường Văn Đ, ông Trịnh Đình Đ có mặt tại phiên toà).

Bị đơn: Công ty SE

Địa chỉ: tầng *, tòa TNL, ** NT, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Ông K - Chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thành T và bà Lê Thị K A, theo Giấy uỷ quyền ngày 10/05/2023 do ông K, Giám đốc Công ty ký.

(Bà Lê Thị K A có mặt tại phiên toà, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thành T vắng mặt tại phiên toà).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Phan Công T, Luật sư Công ty Luật E - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

(Ông Phan Công T vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình Toà án giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Công ty S trình bày:

Công ty S (Gọi tắt S) và Công ty SE (Gọi tắt SE) có quan hệ kinh doanh mua bán từ năm 2019. Theo đó, S (bên bán) sẽ cung cấp các thiết bị điện cho SE (bên mua). Để hỗ trợ đối tác, Công ty S không bắt buộc thanh toán theo từng Hợp đồng mà linh động bằng nhiều cách thức, như thanh toán theo từng đợt giao hàng, thanh toán theo hóa đơn, thanh toán công nợ. Trong suốt quá trình hai bên thống nhất quan hệ kinh doanh mua bán, Công ty S luôn thực hiện đúng nghĩa vụ bán hàng của mình.

Từ cuối năm 2020, Công ty SE đã ngừng đặt hàng của Công ty S nên hai bên đã tiến hành chốt công nợ. Thông qua Thư xác nhận cho mục đích kiểm toán ngày 28/02/2022 thì các bên xác định như sau: Tính đến ngày 01/01/2021, tổng số nợ mà Công ty SE còn nợ Công ty S là 2.993.718.080 đồng (Hai tỷ chín trăm chín mươi ba triệu bảy trăm mười tám nghìn không trăm tám mươi đồng), (số tiền này chưa bao gồm các khoản tiền phạt, lãi chậm trả, bồi thường thiệt hại).

Từ năm 2021 đến nay Công ty S đã nhiều lần yêu cầu Công ty SE thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ, tuy nhiên Công ty S không nhận được sự hợp tác từ phía Công ty SE. Phía Công ty SE nhiều lần hứa hẹn sẽ thanh toán nhưng không thực hiện. Việc kéo dài công nợ này đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tài chính của Công ty S. Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015, Điều 306 Luật Thương mại 2005 thì bên có nghĩa vụ chậm trả tiền phải chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với thời gian chậm trả.

Để bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của mình Công ty S làm đơn khởi kiện Công ty SE với các yêu cầu như sau:

- Buộc Công ty SE trả cho Công ty S số tiền còn nợ là 2.993.718.080 VNĐ (Hai tỷ chín trăm chín mươi ba triệu bảy trăm mười tám nghìn không trăm tám mươi đồng);
- Buộc Công ty SE trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho đến khi thanh toán đủ với mức lãi suất 13,25%/năm. Số tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 22/5/2023 là 946.568.544 VNĐ (Chín trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng);

Tổng số tiền mà Công ty SE phải trả cho Công ty S tạm tính đến ngày 31/8/2022 là 3.940.286.624 VNĐ (Ba tỷ chín trăm bốn mươi triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi tư đồng). Công ty SE trả một lần toàn bộ số tiền này cho Công ty S khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Công ty SE trình bày:

Các hồ sơ, tài liệu do Công ty S cung cấp cho Tòa án là những chứng từ được lập cách đây nhiều năm. Việc lưu trữ hồ sơ, giấy tờ tại Công ty SE không được đảm bảo nên Công ty SE không đủ cơ sở để xác định tính xác thực của các hồ sơ, tài liệu để đối chiếu với các nội dung, căn cứ mà Công ty S đã trình bày tại

Tòa án.

Các hồ sơ, tài liệu do Công ty S cung cấp thể hiện không có Hợp đồng mua bán hàng hóa và các Biên bản giao nhận hàng. Theo quy định của pháp luật, nghĩa vụ thanh toán phát sinh sau khi hai bên giao nhận hàng hóa. Như vậy, chưa đủ căn cứ chứng minh thời điểm giao hàng để xác định thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán làm cơ sở tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi và xác định thời điểm Công ty SE Việt Nam vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 01/01/2021 là không có căn cứ.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và sửa đổi, bổ sung về yêu cầu khởi kiện như sau: Nguyên đơn xin rút một phần về số tiền nợ gốc đối với bị đơn, do trong quá trình đối chiếu công nợ bị đơn đã trả thêm cho nguyên đơn số tiền 25.000.000 đồng (ngày 12/9/2022). Nay nguyên đơn đề nghị bị đơn phải thanh toán số tiền nợ, cụ thể: Buộc Công ty SE trả cho Công ty S số tiền nợ gốc tính đến xét xử sơ thẩm là 2.968.718.080 đồng và số tiền lãi do chậm thanh toán được tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày ngày 21/7/2023 là 1.007.855.917 đồng, với mức lãi suất 13,25%/năm. Tổng số tiền nợ gốc, lãi mà Công ty SE phải trả cho Công ty S tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/7/2023) là: 3.976.573.997 đồng (Ba tỷ chín trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng).

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày tại Tòa án trong các buổi hòa giải; Các hồ sơ, tài liệu do Công ty S cung cấp thể hiện không ký Hợp đồng mua bán hàng hóa và ký các Biên bản giao nhận hàng. Tuy nhiên trên thực tế hai bên có thực hiện việc giao dịch mua bán hàng hoá theo hoá đơn các bên đã xuất trình. Bị đơn cho rằng theo quy định của pháp luật, nghĩa vụ thanh toán phát sinh sau khi hai bên giao nhận hàng hóa, nên bị đơn thấy chưa đủ căn cứ chứng minh thời điểm giao hàng để xác định thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán làm cơ sở tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi và xác định thời điểm Công ty SE vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 01/01/2021 là không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; Các đương sự đã được thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Toà án đã thụ lý và giải quyết đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình xét xử Toà án đã vi phạm về việc tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, tuy nhiên sau đó Toà án đã hoãn phiên toà và thực hiện đầy đủ quyền lợi ích của luật sư nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của đương sự trong việc giải quyết vụ án.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Công ty S đối với Công ty SE. Buộc Công ty SE phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S

số tiền nợ gốc là 2.968.718.080 đồng và tiền nợ lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/7/2023), với mức lãi suất là 13,25%/ năm tương ứng với số tiền 1.007.855.917 đồng.

Về án phí nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty S và Công ty SE đều có đăng ký kinh doanh, việc giao kết hợp đồng kinh tế về việc mua bán hàng hóa đều có mục đích lợi nhuận, Công ty S khởi kiện Công ty SE về việc thanh toán tiền nợ theo thỏa thuận mua bán hàng hóa giữa hai bên nên xác định đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Thời điểm Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân thụ lý vụ án, bị đơn có đăng ký kinh doanh tại địa bàn quận Thanh Xuân, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Công ty S và Công ty SE xác nhận nợ tính đến 28/02/2022, Công ty SE còn nợ Công ty S số tiền: 2.993.718.080 đồng; Ngày 16/9/2022, Công ty S nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu Công ty SE thanh toán tiền nợ trên. Như vậy, đơn khởi kiện của Công ty S còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại 2005.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về tính hợp pháp và hiệu lực của giao dịch giữa các bên:

Công ty S và Công ty SE là hai doanh nghiệp đều có tư cách pháp nhân và thực hiện giao dịch mua bán hàng hoá giữa hai bên nằm trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh theo Bộ luật dân sự và Luật doanh nghiệp và Luật thương mại. Hai Công ty có quan hệ kinh doanh mua bán từ năm 2019. Theo đó, Công ty S (bên bán) sẽ cung cấp các thiết bị điện cho Công ty SE (bên mua). Việc mua bán không bắt buộc bằng việc ký kết hợp đồng mà do hai bên tự thoả thuận bằng lời nói, bằng gmail, điện thoại để giao dịch mua bán và không cần thanh toán theo từng hợp đồng mà linh động bằng nhiều cách thức, như thanh toán theo từng đợt giao hàng, thanh toán theo hóa đơn, thanh toán công nợ. Trong quá trình mua bán, Công ty S luôn thực hiện đúng nghĩa vụ của bên bán hàng.

Thông qua Thư xác nhận cho mục đích kiểm toán ngày 28/02/2022 thì các bên xác định: Tính đến ngày 01/01/2021, tổng công nợ mà Công ty SE còn nợ Công ty S là 2.993.718.080 đồng (Hai tỷ chín trăm chín mươi ba triệu bảy trăm

mười tám nghìn không trăm tám mươi đồng). Việc xác lập giao dịch mua bán là đúng thẩm quyền, hình thức và nội dung giao dịch không trái với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng:

Xét thấy, sau khi xác lập giao dịch mua bán hàng hóa, Công ty S đã thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của người bán, hai bên đã xác nhận hồ sơ thanh toán phục vụ cho mục đích kiểm toán, tổng công nợ mà Công ty SE còn nợ Công ty S là 2.968.718.080 đồng (Hai tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm mười tám nghìn không trăm tám mươi đồng). Tại các hoá đơn, chứng từ, giấy xác nhận giữa hai bên xác nhận số nợ trên, vì vậy Công ty S khởi kiện Công ty SE phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là có căn cứ.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn thanh toán nợ gốc, lãi:

* Xét yêu cầu thanh toán khoản nợ gốc đối với bị đơn:

Xét thấy, sau khi xác lập giao dịch mua bán hàng hóa, Công ty S đã thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của người bán, hai bên đã xác nhận hồ sơ thanh toán phục vụ cho mục đích kiểm toán, tổng công nợ mà Công ty SE còn nợ Công ty S là 2.968.718.080 đồng. Do phía bị đơn đã không thực hiện trả nợ theo như đã cam kết, thỏa thuận, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm (21/7/2023) số tiền là 2.968.718.080 đồng (Hai tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm mười tám nghìn không trăm tám mươi đồng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Đối với yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với mức lãi suất bằng 13,25%/ năm theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại thì bên có nghĩa vụ chậm trả tiền phải chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với thời gian chậm trả bắt đầu tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/7/2023 là 1.007.855.917 đồng.

Xét thấy: Do có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 01/01/2021, nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi suất chậm thanh toán theo quy định của Luật thương mại kể từ ngày 01/01/2021 là có cơ sở chấp nhận.

Về mức lãi suất, căn cứ quy định Luật thương mại và Bộ luật dân sự 2015 có cơ sở xác định, mức lãi suất nguyên đơn đưa ra là 13,25% trên cơ sở tự nguyện, không vượt quá mức lãi suất trung bình của 03 ngân hàng thương mại trên địa bàn quận T tại thời điểm xét xử là có lợi cho bị đơn nên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: - Điều 357, Điều 440; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 24, Điều 306, Điều 319 Luật thương mại 2005;

- Khoản 1 Điều 30; điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S đối với Công ty SE.

Buộc Công ty SE phải trả cho Công ty S tổng số tiền nợ là: 3.976.573.997 đồng (*Ba tỷ chín trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng*), (trong đó: Số tiền nợ gốc: 2.968.718.080 đồng và số tiền nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/7/2023) là 1.007.855.917 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí: Công ty SE phải chịu án phí với số tiền là: 111.380.000 đồng (*Một trăm mười một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 50.900.000 đồng *(Năm mươi triệu chín trăm nghìn đồng)* theo biên lai số thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2020/0008*** ngày 12/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Hà Nội.

[3]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H